TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chung
2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 878/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1994
Nơi cư trú: Thôn Sông Búng, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thái Thành Tr, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Thôn Sông Búng, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Đ trình bày:

Bà và ông Thái Thành Tr, sinh năm 1989 tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 22/8/2014. Quá trình chung sống ông bà có với nhau hai con chung là Thái Thành T1, sinh ngày 02/10/2017 và Thái Thanh T2 sinh ngày 28/6/2020.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Thái Thành Tr

Về con chung: Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là Thái Thành T1, sinh ngày 02/10/2017 và Thái

Thanh T2 sinh ngày 28/6/2020 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Tr.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Đ; về con chung: Giao hai con chung là Thái Thành T1, sinh ngày 02/11/2017 và Thái Thanh T2 sinh ngày 28/6/2020 cho bà Cao Thị Đ trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Tr nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Thái Thành Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Thị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Thái Thành Tr hiện cư trú tại: Thôn Sông Búng, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Đ và ông Thái Thành Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 22/8/2014 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Cao Thị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau,

tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ, ông Tr không hạnh phúc vì lý do tính tình không còn phù hợp, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, ông Tr cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều này đủ cơ sở xác định ông Tr không còn quan tâm đến bà Đ. Như vậy, đời sống chung của bà Đ, ông Tr không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của bà Đ thì bà Đ và ông Tr có hai con chung là Thái Thành T1, sinh ngày 02/11/2017 và Thái Thanh T2 sinh ngày 28/6/2020. Bà Đ tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao hai con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Tr nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Đ.

1.1. Về hôn nhân: Bà Cao Thị Đ được ly hôn ông Thái Thành Tr.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Thái Thành T1, sinh ngày 02/10/2017 và Thái Thanh T2 sinh ngày 28/6/2020 cho bà Cao Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Thái Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Thái Thành Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Cao Thị Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Phượng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005365 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND xã T, GCNKH số: 38 ngày 22/8/2017;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh